

# DỊCH TRUNG THIÊN & Y ĐẠO VUÔNG TRÒN

---oOo---

## I. DẪN NHẬP :

Khi bắt đầu học Dịch, tôi đã nghe truyền thuyết về cụ Trần Cao Vân (1866-1916) có sở học 'Trung Thiên Dịch', ông sinh quán tại Điện Bàn Quảng Nam, phò Vua Duy Tân kháng chiến chống Pháp và đã bị quân Pháp xử tử. Tôi đã để lòng tìm hiểu nhiều năm nhưng rốt lại không tìm được gì, chỉ còn áy một bài "Vịnh Tam Tài" đã được dịch nôm với đặc điểm mỗi câu đều nhắc đến luận Tam Tài (Trời Người Đất).

\*

Kinh Dịch, Hệ Từ Thượng truyện, Chương 2 - Tiết thứ năm có câu :

Lục hào chi động, tam cực chi đạo dã : ' 6 hào biến hóa sống động là thể hiện đạo tam cực gồm 2 cực Âm Dương đối lập + 1 cực Âm Dương thống nhất '.

Hệ Từ Hạ truyện, Chương thứ 9 lại có câu :

Dịch chi vi thư dã, nguyên thi yếu chung dĩ vi chất dã, lục hào tương tạp, duy kỳ thời vật dã. Kỳ sơ nan tri, bản mạt dã. Sơ từ nghi chi, tốt thành chi chung ; nhược phù tạp vật soạn đức, biện thị dữ phi, tắc phi kỳ trung hào bất bị : ' Nội dung sách Dịch từ đầu đến cuối làm thành bởi các quẻ 6 hào xen tạp thay đổi tùy theo thời vật. Hào sơ khó biết, vì Dịch bắt đầu từ bản rồi biến hóa đến mạt vậy. Cứu xét hào sơ, từ đầu đến lúc cuối mới xong. Nếu như muốn cách vật trí tri hoặc rèn luyện đức hạnh, biện luận đúng sai nếu không nhờ đến các hào ở giữa thì không đầy đủ vậy ! '.

Các điều trên đã hé mở cho chúng tôi tìm thấy 16 " Tứ Trung Hào " của 64 quẻ Dịch chính là 16 Tạng Tượng nơi thân người.

\*

Đến khi học tập Thương Hàn Tạp Bệnh luận Bản Nghĩa tôi thấy ra cụ Lưu Thủy nhấn mạnh Y học xuất phát từ Dịch học và điểm đặc sắc của Đức Trọng Cảnh là Ngài đã ứng dụng Kinh Dịch để làm sách.

Lục Kinh Lục Khí có Tam Dương và Tam Âm gồm Thái Dương, Dương Minh, Thiếu Dương và Thái Âm, Thiếu Âm, Khuyết Âm đã được tóm lược thành Tứ Kinh Tứ Khí, gồm Dương Nhiệt, Dương Hàn, Âm Nhiệt, Âm Hàn ; Dương Minh tức Dương Nhiệt, Thái Dương tức Dương Hàn,

Thiếu Âm tức Âm Nhiệt, Thái Âm tức Âm Hàn ; Còn Thiếu Dương là bán Dương Nhiệt + bán Dương Hàn, Khuyết Âm là bán Âm Nhiệt + bán Âm Hàn.

Bản Nghĩa chứng minh sách Thương Hàn Tạp Bệnh luận chỉ ứng dụng 4 Kỳ Kinh (Đốc, Đái, Xung, Nhâm) và cho thấy 12 Tạng Phủ nơi thân người có 4 Tạng Phủ Tiên thiên [Tâm, Tiểu Trường, Thận, Bàng Quang], 4 Tạng Phủ Hậu thiên [Phế, Đại Trường, Tỳ, Vỵ] ; 4 Tạng Phủ còn lại có thêm nhận định của Bản Nghĩa : Can - Đờm là 1 cặp Tạng Phủ bán Dương bán Âm, Tâm Bào Lạc - Tam Tiêu là 1 cặp Tạng Phủ bán Hàn bán Nhiệt khiến chúng tôi không thể không ngờ 4 Tạng Phủ này là 4 Tạng Phủ Trung thiên như sự thật được thấy ra sau này.

## II. Ý NGHĨA CỦA TÊN GỌI DỊCH TIỂU THÀNH :

Hệ Dịch Tiên thiên, khi phát triển 3 hào thành 1 Bát Quái được gọi là Dịch Tiểu Thành do nó có 2 điểm đặc sắc trong hệ thống Kinh Dịch :

a- Đặc điểm thứ nhất :

- Hệ 1 hào có 2 quẻ là Lưỡng Nghi mở đầu Dịch Tiên thiên.
- Hệ 2 hào có 4 quẻ là Tứ Tượng mở đầu Dịch Trung thiên.
- Hệ 3 hào có 8 quẻ là Bát Quái mở đầu Dịch Hậu thiên.

b- Đặc điểm thứ hai :

Bát Quái là 1 lần Đạo Tam Cực, mỗi quẻ Dịch có 6 hào tức 2 Bát Quái là 2 lần Đạo Tam Cực tượng vạn vật nên được gọi là Dịch Đại Thành.

(xem đồ hình Dịch Tiểu Thành)

## DỊCH TIỂU THÀNH

- Cho thấy căn bản sinh thành và hoạt động của vạn vật với đủ 3 Thời loại vốn có của Kinh Dịch, phát triển từ dưới lên.
- Thái Cực là toàn thể sự vật sinh Lưỡng Nghi [2 quẻ 1 hào] mở đầu hệ Dịch Tiên thiên.
- Lưỡng Nghi sinh Tứ Tượng [4 quẻ 2 hào] mở đầu hệ Dịch Trung thiên.
- Tứ Tượng sinh Bát Quái [8 quẻ 3 hào] mở đầu hệ Dịch Hậu thiên.

**BÁT QUÁI :**



Càn    Đoài    Ly    Chấn



Tốn    Khảm    Cấn    Khôn

**TỨ TƯỢNG :**



Dương Nhiệt    Dương Hàn



Âm Nhiệt    Âm Hàn

**LƯƠNGNGHI :**



Dương



Âm

**ĐẠO TOÀN THỂ :** Vô Cực



rồi đến Thái Cực



### **III. BA THỜI LOẠI CỦA DỊCH :**

Chỉ thấy có 2 Bát Quái Tiên thiên và Bát Quái Hậu thiên khiến nhiều người lầm tưởng Dịch chỉ có 2 Thời loại ; nào ngờ cũng không khác vạn vật vốn có 3 Thời loại : Quá khứ - Hiện tại – Tương lai, Dịch cũng có 3 Thời loại là : Tiên thiên tương ứng Quá khứ, Trung thiên tương ứng Hiện tại, Hậu thiên tương ứng Tương lai :

- Dịch Tiên thiên : Phát triển từng 1 hào từ dưới lên, 6 lần là đủ 64 quẻ 6 hào tượng vạn vật. (ngày nay dựa theo Đồ Đại Diễn và Đồ Tiên thiên Vương Tròn nhiều người cố chấp quẻ Dịch chỉ có 1 hướng phát triển từ dưới lên). Hệ 1 hào có 2 quẻ gọi là Lưỡng Nghi tức Âm Dương, hệ 2 hào có 4 quẻ gọi là Tứ Tượng, hệ 3 hào có 8 quẻ gọi là Bát Quái, hệ 4 hào có 16 quẻ, chưa thấy tên, nay thấy tương ứng với 16 Tạng Tượng, hệ 5 hào có 32 quẻ chưa thấy tên, hệ 6 hào có 64 quẻ tượng vạn vật. Hào thứ 1 và thứ 6 gọi là 2 hào Bản Mạt ; 4 hào 2,3,4,5 gọi là Tứ Trung Hào.
- Dịch Trung thiên : Phát triển từng 2 hào từ giữa lên xuống, 3 lần là đủ 64 quẻ 6 hào tượng vạn vật.

Phát triển lần 1 có 4 quẻ 2 hào như Tứ Tượng ;

Phát triển lần 2 có 16 quẻ 4 hào là Tứ Trung Hào của 64 quẻ Dịch ;

Phát triển lần 3 cũng 2 hào thành 6 hào, có 2 hào : hào thứ nhất tức hào 1 (gọi là Bản) và hào thứ hai tức hào 6 (gọi là Mạt).

Do đó Dịch loại này chỉ có 3 hệ 2,4,6 hào có hiện tượng và 3 hệ 1,3,5 không hiện tượng.

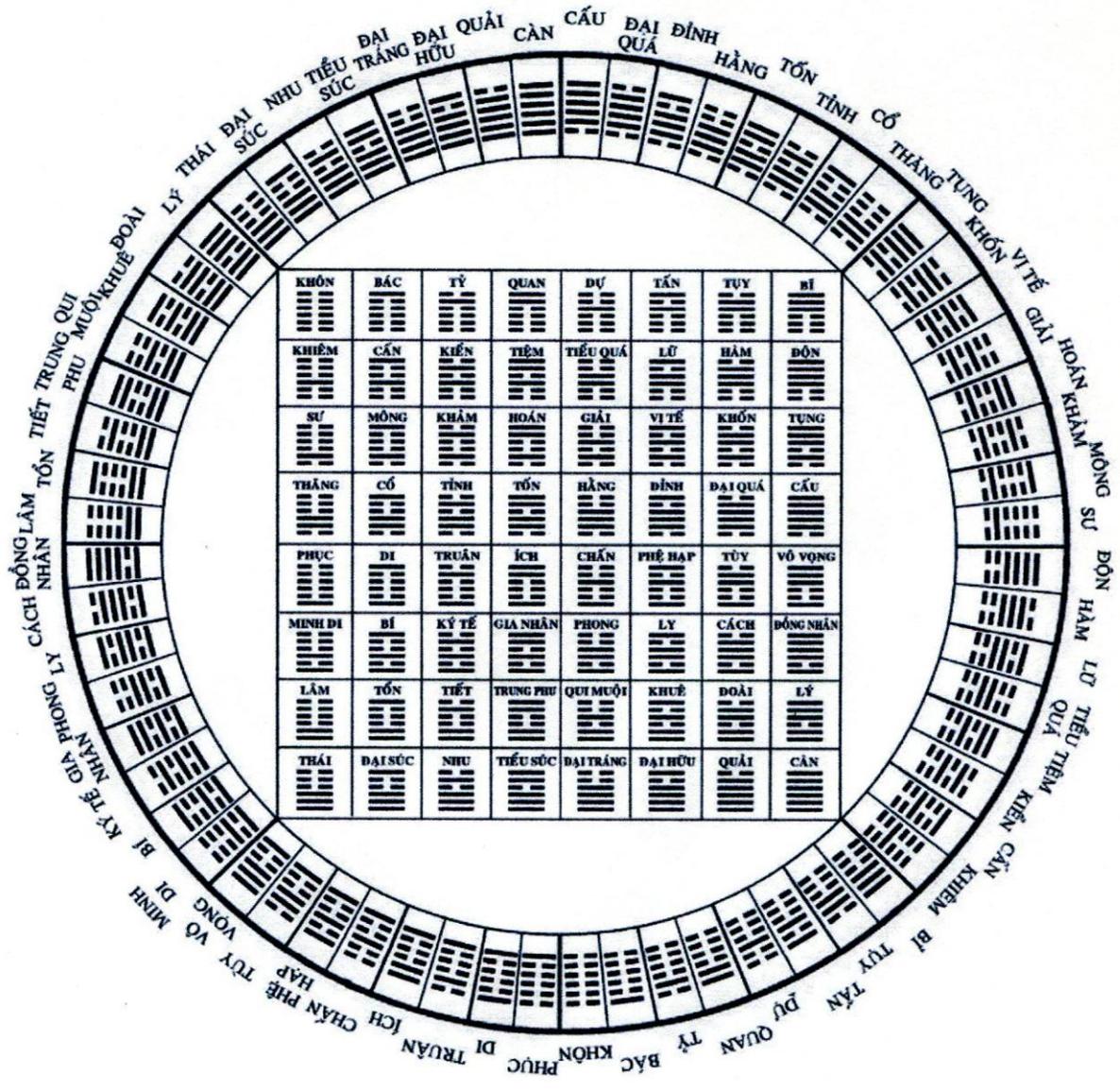
- Dịch Hậu thiên : Phát triển từng 3 hào tức 1 Bát Quái, từ trên xuống, 2 lần là đủ 64 quẻ tượng vạn vật. Do đó Dịch này chỉ có 2 hệ 3,6 hào có hiện tượng, 4 hệ 1,2,4,5 không hiện tượng.

(xem 3 đồ hình Dịch Tiên thiên Vương Tròn, 16 Tạng Tượng với 64 quẻ Dịch, Kỳ Kinh Bát Mạch).

# DỊCH TIÊN THIÊN

## ĐỒ HÌNH VUÔNG TRÒN

[Cho thấy hệ Dịch Tiên thiên có quan hệ với cả hai hệ Dịch Trung thiên và Hậu thiên]



Cám ơn Bs Võ Khôi Bửu đã giúp đỡ thực hiện hình đồ này.

# 16 TẠNG TƯỢNG với 64 quẻ Dịch

(64 quẻ 6 hào = 16 Tạng Tượng x 4 Bộ Dương Nhiệt – Dương Hàn – Âm Nhiệt – Âm Hàn)

PHẦN LOẠI	16 TẠNG TƯỢNG	16 QUẺ 4 HÀO	64 THÀNH QUÁI = 16 TỬ TRUNG HÀO X 4 QUẺ 2 HÀO BẢN MẶT			
4 KỶ KINH	ĐỐC		Bát Thuần CÀN 1	Trạch Thiên QUẢI 43	Thiên Phong CẦU 44	Trạch Phong ĐẠI QUÁ 28
	NHÂM		Sơn Lôi DI 27	Địa Lôi PHỤC 24	Sơn Địa BÁC 23	Bát Thuần KHÔN 2
	XUNG		Phong Trạch TRUNG PHU 61	Thủy Trạch TIẾT 60	Phong Thủy HOÁN 59	Bát Thuần KHẨM 29
	ĐÁI		Bát Thuần LY 30	Lôi Hỏa PHONG 55	Hỏa Sơn LỮ 56	Lôi Sơn TIỂU QUÁ 62
4 KINH TIÊN THIÊN	TÂM		Thiên Trạch LÝ 10	Bát Thuần ĐOÀI 58	Thiên Thủy TỤNG 6	Trạch Thủy KHỐN 47
	B.QUANG		Sơn Hỏa BÍ 22	Địa Hỏa MINH DI 36	Bát Thuần CẤN 52	Địa Sơn KHIÊM 15
	THẬN		Sơn Trạch TỔN 41	Địa Trạch LÂM 19	Sơn Thủy MÔNG 4	Địa Thủy SƯ 7
	T.TRƯỜNG		Thiên Hỏa ĐỒNG NHÂN 13	Trạch Hỏa CÁCH 49	Thiên Sơn ĐỖN 33	Trạch Sơn HÀM 31
4 KINH TRUNG THIÊN	TÂM BÀO		Hỏa Trạch KHUÊ 38	Lôi Trạch QUI MUỘI 54	Hỏa Thủy VỊ TẾ 64	Lôi Thủy GIẢI 40
	TAM TIỂU		Phong Hỏa GIA NHÂN 37	Thủy Hỏa KÝ TẾ 63	Phong Sơn TIỆM 53	Thủy Sơn KIẾN 39
	CAN		Thiên Lôi VÔ VỌNG 25	Trạch Lôi TỤY 17	Thiên Địa BÍ 12	Trạch Địa TỤY 45
	ĐỜM		Sơn Thiên ĐẠI SỨC 26	Địa Thiên THÁI 11	Sơn Phong CỔ 18	Địa Phong THĂNG 46
4 KINH HẬU THIÊN	PHẾ		Hỏa Lôi PHỆ HẠP 21	Bát Thuần CHẤN 51	Hỏa Địa TẤN 35	Lôi Địa DỰ 16
	VY		Phong Thiên TIỂU SỨC 9	Thủy Thiên NHU 5	Bát Thuần TỔN 57	Thủy Phong TÍNH 48
	TỠ		Phong Lôi ÍCH 42	Thủy Lôi TRUẦN 3	Phong Địa QUAN 20	Thủy Địa TỠ 8
	Đ.TRƯỜNG		Hỏa Thiên ĐẠI HỮU 14	Lôi Thiên ĐẠI TRẮNG 34	Hỏa Phong ĐỈNH 50	Lôi Phong HẰNG 32

\*\*

# KỶ KINH BÁT MẠCH

---o0o---

Kỳ Kinh còn được gọi là Mạch, tổng số có 8 nên thường gọi tên ghép là Kỳ Kinh Bát Mạch. Có người sơ hốt thấy Đức Trọng Cảnh thuật bộ Thương Hàn Tạng Bệnh Luận chỉ bàn đến 4 Kỳ Kinh [Đốc – Đái – Xung – Nhâm] vội vàng nói Ngài sai lầm ; nào ngờ đó là ngài làm luận theo hệ Dịch Trung Thiên với 16 Tạng Tượng và Tứ bộ Kinh Khí ; tổng số Kỳ Kinh được trình bày tùy theo 3 thời loại vốn có của Kinh Dịch là Tiên Thiên, Trung Thiên, Hậu Thiên như sau :

TIÊN THIÊN		TRUNG THIÊN		HẬU THIÊN						
NHỊ MẠCH		TỨ MẠCH		BÁT MẠCH						
TƯỢNG 2 HÀO	TÊN KỶ KINH	TƯỢNG 4 HÀO	TÊN KỶ KINH	HIỆP BẢN MẶT	TƯỢNG 6 HÀO	TÊN QUẾ	TÊN KỶ KINH	CHỨC NĂNG BÁT MẠCH		
	ĐỐC		ĐỐC			Bát Thuần CÀN	ĐỐC	Thống đốc các Dương		
						Trạch Phg ĐẠI QUÁ	DƯƠNG DUY	Duy trì các Dương		
			ĐÁI		ĐÁI			Bát Thuần LY	ĐÁI	Giáng từ trên xuống, Nhập từ ngoài vào
						Lôi Sơn TIỂU QUÁ	DƯƠNG KIỂU	Điều chỉnh các Dương		
	NHÂM		XUNG			Phg Trạch TRG PHU	ÂM KIỂU	Điều chỉnh các Âm		
						Bát Thuần KHẨM	XUNG	Thăng từ dưới lên, Xuất từ trong ra.		
			NHÂM		NHÂM			Sơn Lôi DI	ÂM DUY	Duy trì các Âm
						Bát Thuần KHÔN	NHÂM	Nhậm lãnh các Âm		

\*

#### **IV. BÁT QUÁI 3 THỜI LOẠI :**

Ba Bát Quái nơi Dịch 3 Thời loại có các đặc điểm sau :

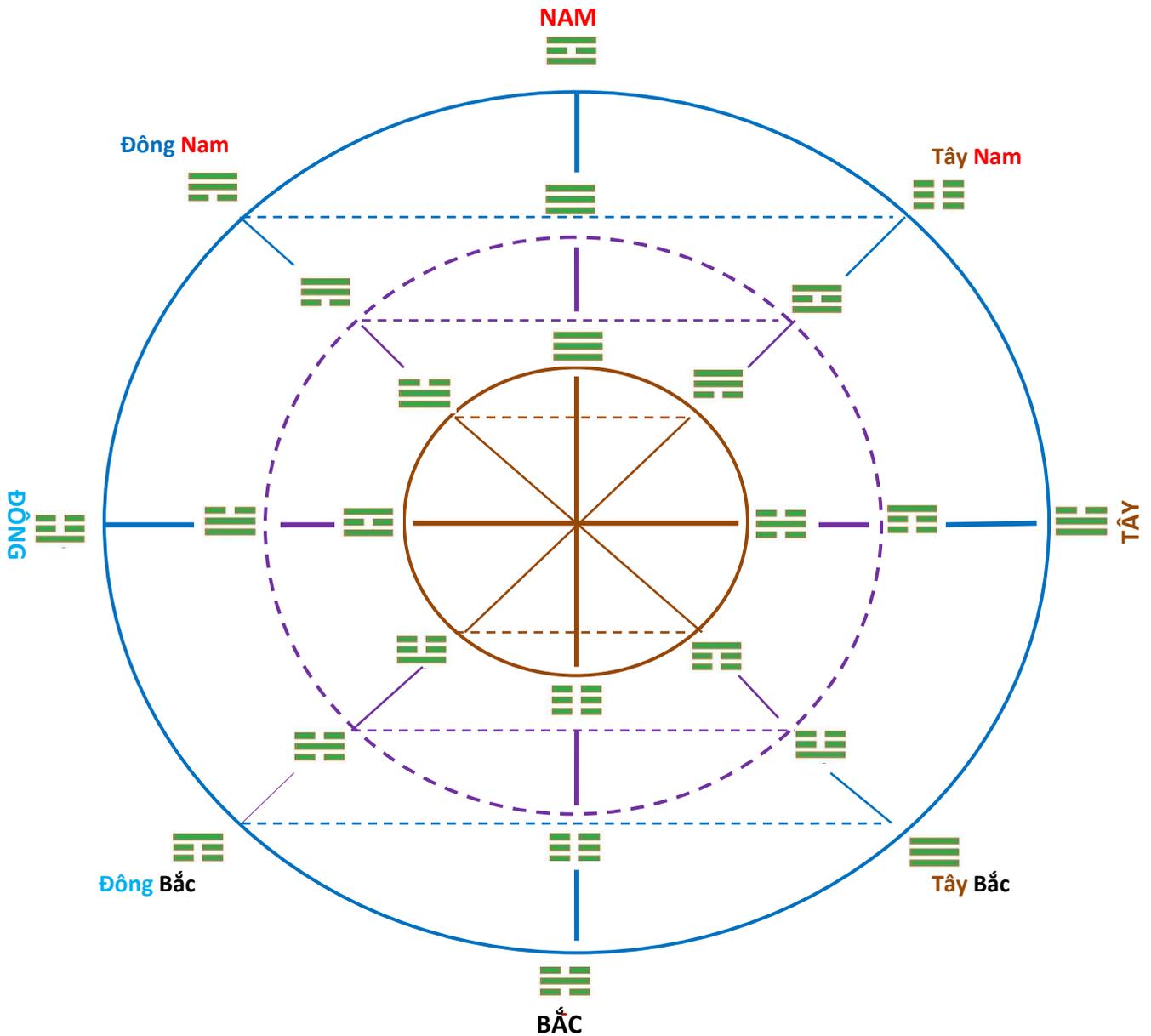
- Bát Quái Tiên thiên và Hậu thiên có hiện tượng, riêng Bát Quái Trung thiên không hiện tượng khiến nhiều người tưởng lầm là không hề có nó nhưng sự thật khi có Thời loại Dịch Trung thiên tất nhiên có Bát Quái Trung thiên nhưng không hiện tượng nên nhiều người không thấy biết.
- Bát Quái cả 3 Thời loại đồng có số lượng quẻ là 8, các quẻ đồng tên quẻ và tượng quẻ.
- Bát Quái 3 Thời loại chỉ khác thứ tự quẻ do từng Thời loại có chức năng khác nhau : Tiên thiên = 8 : 2, Trung thiên = 8 : 4, Hậu thiên = 8 : 8.
- Trung thiên là Thời trung hiện hữu suốt 2 Thời Tiên thiên và Hậu thiên ; Bát Quái Trung thiên không hiện tượng nên chúng ta khó thấy nhưng tất nhiên phải có nơi Dịch Trung thiên, thứ tự của nó là 8 quẻ 3 hào phía dưới 16 quẻ 4 hào gọi là Tạng Tượng ; khi đó Bát Quái Trung thiên chia thành 4 cặp là : CÀN, TỐN – ĐOÀI, KHẢM - LY, CẤN – CHẤN, KHÔN.

(xem đồ hình Bát Quái Tiên thiên Trung thiên Hậu thiên)

# BÁT QUÁI Tiên Thiên - Trung Thiên - Hậu Thiên

Trung thiên là 'thời trung', thời hiện tại của vạn vật, hiện diện suốt và giữa 2 thời Tiên thiên & Hậu thiên.

---oOo---



May 2018

Huỳnh Hiếu Hữu Xin đa tạ !

## **V. BÁT GIA 3 THỜI :**

64 quẻ Dịch đã thấy người xưa trình bày bằng đồ hình Tiên thiên Vuông Tròn. Theo đó chúng tôi tiếp tục trình bày 3 đồ hình Bát Gia như sau :

- **Bát Gia Tiên thiên :** Trên là Bát Quái Tiên thiên tượng Khí, dưới cũng là Bát Quái Tiên thiên tượng Kinh.
- **Bát Gia Trung thiên :** Trên là Bát Quái Tiên thiên tượng Khí, dưới là Bát Quái Trung thiên tượng Kinh.
- **Bát Gia Hậu thiên :** Trên là Bát Quái Tiên thiên tượng Khí, dưới là Bát Quái Hậu thiên tượng Kinh.

Ba Bát Gia trên đồng có 64 quẻ, đồng có 16 Tứ Trung Hào tức 16 Tạng Tượng, chỉ khác nhau theo 3 Thời loại :

Tại Bát gia Tiên thiên, ngang dọc mỗi Tạng Tượng có 2.

Tại Bát Gia Trung thiên, ngang dọc mỗi Tạng Tượng có  $2 \times 2 = 4$ .

Tại Bát Gia Hậu thiên, Tạng Tượng ngang có 2 nhưng Tạng Tượng dọc do Bát Quái chia 8 nên cũng lẻ tẻ.

(xem 3 đồ hình Bát Gia Tiên thiên – Trung thiên – Hậu thiên)

# BÁT GIA TIÊN THIÊN

Trên là BÁT QUÁI TIÊN THIÊN tượng KHÍ, Dưới cũng là BÁT QUÁI TIÊN THIÊN tượng KINH

---o0o---

Bát Thuần <b>CÀN</b>  Đốc	Trạch Thiên <b>QUÁI</b>  Đốc	Hỏa Thiên <b>ĐẠI HỮU</b>  Đại Trường	Lôi Thiên <b>ĐẠI TRẮNG</b>  Đại Trường	PhongThiên <b>TIỂU SỨC</b>  Vỵ	ThủyThiên <b>NHU</b>  Vỵ	Sơn Thiên <b>ĐẠI SỨC</b>  Đờm	Địa Thiên <b>THÁI</b>  Đờm
ThiênTrạch <b>LÝ</b>  Tâm	Bát Thuần <b>ĐOÀI</b>  Tâm	Hỏa Trạch <b>KHUÊ</b>  Bào Lạc	Lôi Trạch <b>QUI MUỘI</b>  Bào Lạc	PhongTrạch <b>TRUNGPHU</b>  Xung	Thủy Trạch <b>TIẾT</b>  Xung	Sơn Trạch <b>TÓN</b>  Thận	Địa Trạch <b>LÂM</b>  Thận
ThiênHỏa <b>ĐỒNG NHÂN</b>  Tiểu Trường	Trạch Hỏa <b>CÁCH</b>  Tiểu Trường	Bát Thuần <b>LY</b>  Đái	Lôi Hỏa <b>PHONG</b>  Đái	PhongHỏa <b>GIA NHÂN</b>  Tam Tiêu	Thủy Hỏa <b>KỶ TẾ</b>  Tam Tiêu	Sơn Hỏa <b>BÍ</b>  Bàng Quang	Địa Hỏa <b>MINH DI</b>  Bàng Quang
ThiênLôi <b>VÔ VONG</b>  Can	Trạch Lôi <b>TUY</b>  Can	Hỏa Lôi <b>PHỆ HẠP</b>  Phế	Bát Thuần <b>CHẤN</b>  Phế	PhongLôi <b>ÍCH</b>  Tỳ	Thủy Lôi <b>TRUẬN</b>  Tỳ	Sơn Lôi <b>DI</b>  Nhâm	Địa Lôi <b>PHỤC</b>  Nhâm
ThiênPhong <b>CẦU</b>  Đốc	TrạchPhong <b>ĐẠI QUÁ</b>  Đốc	Hỏa Phong <b>ĐÌNH</b>  Đại Trường	Lôi Phong <b>HẰNG</b>  Đại Trường	Bát Thuần <b>TÓN</b>  Vỵ	Thủy Phong <b>TỈNH</b>  Vỵ	Sơn Phong <b>CỔ</b>  Đờm	Địa Phong <b>THĂNG</b>  Đờm
ThiênThủy <b>TUNG</b>  Tâm	TrạchThủy <b>KHỐN</b>  Tâm	Hỏa Thủy <b>VỊ TẾ</b>  Bào Lạc	Lôi Thủy <b>GIẢI</b>  Bào Lạc	Phong Thủy <b>HOÁN</b>  Xung	Bát Thuần <b>KHẨM</b>  Xung	Sơn Thủy <b>MÔNG</b>  Thận	Địa Thủy <b>SƯ</b>  Thận
ThiênSơn <b>ĐỘN</b>  Tiểu Trường	Trạch Sơn <b>HÀM</b>  Tiểu Trường	Hỏa Sơn <b>LỮ</b>  Đái	Lôi Sơn <b>TIỂUQUÁ</b>  Đái	Phong Sơn <b>TIỆM</b>  Tam Tiêu	Thủy Sơn <b>KIẾN</b>  Tam Tiêu	BátThuần <b>CẤN</b>  Bàng Quang	Địa Sơn <b>KHIÊM</b>  Bàng Quang
ThiênĐịa <b>BỈ</b>  Can	Trạch Địa <b>TUY</b>  Can	Hỏa Địa <b>TẤN</b>  Phế	Lôi Địa <b>DỰ</b>  Phế	Phong Địa <b>QUAN</b>  Tỳ	Thủy Địa <b>TỶ</b>  Tỳ	Sơn Địa <b>BÁC</b>  Nhâm	BátThuần <b>KHÔN</b>  Nhâm

February 2017 – Huỳnh Hiếu Hữu

# BÁT GIA TRUNG THIÊN

Trên là BÁT QUÁI TIÊN THIÊN tượng KHÍ, Dưới là BÁT QUÁI TRUNG THIÊN tượng KINH

---o0o---

Bát Thuần <b>CÂN</b>  Đốc	Trạch Thiên <b>QUÁI</b>  Đốc	Hỏa Thiên <b>ĐẠI HỮU</b>  Đại Trường	Lôi Thiên <b>ĐẠI TRĂNG</b>  Đại Trường	Phong Thiên <b>TIỂU SỨC</b>  Vy	Thủy Thiên <b>NHU</b>  Vy	Sơn Thiên <b>ĐẠI SỨC</b>  Đỡm	Địa Thiên <b>THÁI</b>  Đỡm
Thiên Phong <b>CẦU</b>  Đốc	Trạch Phong <b>ĐẠI QUÁ</b>  Đốc	Hỏa Phong <b>ĐỈNH</b>  Đại Trường	Lôi Phong <b>HẰNG</b>  Đại Trường	Bát Thuần <b>TỐN</b>  Vy	Thủy Phong <b>TỈNH</b>  Vy	Sơn Phong <b>CỔ</b>  Đỡm	Địa Phong <b>THĂNG</b>  Đỡm
Thiên Trạch <b>LÝ</b>  Tâm	Bát Thuần <b>ĐOÀI</b>  Tâm	Hỏa Trạch <b>KHUẾ</b>  Bảo Lạc	Lôi Trạch <b>QUI MỤI</b>  Bảo Lạc	Phong Trạch <b>TRUNG PHU</b>  Xung	Thủy Trạch <b>TIẾT</b>  Xung	Sơn Trạch <b>TỐN</b>  Thận	Địa Trạch <b>LÂM</b>  Thận
Thiên Thủy <b>TỤNG</b>  Tâm	Trạch Thủy <b>KHỐN</b>  Tâm	Hỏa Thủy <b>VỊ TẾ</b>  Bảo Lạc	Lôi Thủy <b>GIẢI</b>  Bảo Lạc	Phong Thủy <b>HOÁN</b>  Xung	Bát Thuần <b>KHẨM</b>  Xung	Sơn Thủy <b>MÔNG</b>  Thận	Địa Thủy <b>SƯ</b>  Thận
Thiên Hỏa <b>ĐỒNG NHÂN</b>  Tiểu Trường	Trạch Hỏa <b>CÁCH</b>  Tiểu Trường	Bát Thuần <b>LY</b>  Đái	Lôi Hỏa <b>PHONG</b>  Đái	Phong Hỏa <b>GIA NHÂN</b>  Tam Tiêu	Thủy Hỏa <b>KỶ TẾ</b>  Tam Tiêu	Sơn Hỏa <b>BÍ</b>  Bàng Quang	Địa Hỏa <b>MINH ĐI</b>  Bàng Quang
Thiên Sơn <b>ĐỘN</b>  Tiểu Trường	Trạch Sơn <b>HÀM</b>  Tiểu Trường	Hỏa Sơn <b>LỮ</b>  Đái	Lôi Sơn <b>TIỂU QUÁ</b>  Đái	Phong Sơn <b>TIỆM</b>  Tam Tiêu	Thủy Sơn <b>KIỆN</b>  Tam Tiêu	Bát Thuần <b>CẢN</b>  Bàng Quang	Địa Sơn <b>KHIÊM</b>  Bàng Quang
Thiên Lôi <b>VÔ VỌNG</b>  Can	Trạch Lôi <b>TỤY</b>  Can	Hỏa Lôi <b>PHỆ HẠP</b>  Phế	Bát Thuần <b>CHẨN</b>  Phế	Phong Lôi <b>ÍCH</b>  Tỳ	Thủy Lôi <b>TRUẬN</b>  Tỳ	Sơn Lôi <b>DI</b>  Nhâm	Địa Lôi <b>PHỤC</b>  Nhâm
Thiên Địa <b>BỈ</b>  Can	Trạch Địa <b>TỤY</b>  Can	Hỏa Địa <b>TẤN</b>  Phế	Lôi Địa <b>DỰ</b>  Phế	Phong Địa <b>QUAN</b>  Tỳ	Thủy Địa <b>TỶ</b>  Tỳ	Sơn Địa <b>BÁC</b>  Nhâm	Bát Thuần <b>KHÔN</b>  Nhâm

\*

May 2018 – Huỳnh Hiếu Hữu Xin đa tạ !

# BÁT GIA HẬU THIÊN

Trên là BÁT QUÁI TIÊN THIÊN tượng KHÍ, Dưới là BÁT QUÁI HẬU THIÊN tượng KINH

---oOo---

<p>ThiênHòa <b>ĐỒNG NHÂN</b></p>  <p>Tiểu Trường</p>	<p>Trạch Hòa <b>CÁCH</b></p>  <p>Tiểu Trường</p>	<p>Bát Thuần <b>LY</b></p>  <p>Đái</p>	<p>Lôi Hòa <b>PHONG</b></p>  <p>Đái</p>	<p>PhongHòa <b>GIA NHÂN</b></p>  <p>Tam Tiêu</p>	<p>Thủy Hòa <b>KỶ TẾ</b></p>  <p>Tam Tiêu</p>	<p>Sơn Hòa <b>BÍ</b></p>  <p>Bàng Quang</p>	<p>Địa Hòa <b>MINH ĐI</b></p>  <p>Bàng Quang</p>
<p>Thiên Địa <b>BÍ</b></p>  <p>Càn</p>	<p>Trạch Địa <b>TỤY</b></p>  <p>Càn</p>	<p>Hỏa Địa <b>TẤN</b></p>  <p>Phế</p>	<p>Lôi Địa <b>DỰ</b></p>  <p>Phế</p>	<p>Phong Địa <b>QUAN</b></p>  <p>Tỳ</p>	<p>Thủy Địa <b>TỶ</b></p>  <p>Tỳ</p>	<p>Sơn Địa <b>BÁC</b></p>  <p>Nhâm</p>	<p>Bát Thuần <b>KHÔN</b></p>  <p>Nhâm</p>
<p>Thiên Trạch <b>LÝ</b></p>  <p>Tâm</p>	<p>Bát Thuần <b>ĐOÀI</b></p>  <p>Tâm</p>	<p>Hỏa Trạch <b>KHUỄ</b></p>  <p>Bào Lạc</p>	<p>Lôi Trạch <b>QUI MUỘI</b></p>  <p>Bào Lạc</p>	<p>Phong Trạch <b>TRUNG PHU</b></p>  <p>Xung</p>	<p>Thủy Trạch <b>TIẾT</b></p>  <p>Xung</p>	<p>Sơn Trạch <b>TỐN</b></p>  <p>Thận</p>	<p>Địa Trạch <b>LÂM</b></p>  <p>Thận</p>
<p>Bát Thuần <b>CÀN</b></p>  <p>Độc</p>	<p>Trạch Thiên <b>QUÀI</b></p>  <p>Độc</p>	<p>Hỏa Thiên <b>ĐẠI HỮU</b></p>  <p>Đại Trường</p>	<p>Lôi Thiên <b>ĐẠI TRẮNG</b></p>  <p>Đại Trường</p>	<p>Phong Thiên <b>TIỂU SỨC</b></p>  <p>Vụ</p>	<p>Thủy Thiên <b>NHU</b></p>  <p>Vụ</p>	<p>Sơn Thiên <b>ĐẠI SỨC</b></p>  <p>Đờm</p>	<p>Địa Thiên <b>THÁI</b></p>  <p>Đờm</p>
<p>Thiên Thủy <b>TỤNG</b></p>  <p>Tâm</p>	<p>Trạch Thủy <b>KHÔN</b></p>  <p>Tâm</p>	<p>Hỏa Thủy <b>VỊ TẾ</b></p>  <p>Bào Lạc</p>	<p>Lôi Thủy <b>GIẢI</b></p>  <p>Bào Lạc</p>	<p>Phong Thủy <b>HOÁN</b></p>  <p>Xung</p>	<p>Bát Thuần <b>KHÂM</b></p>  <p>Xung</p>	<p>Sơn Thủy <b>MÔNG</b></p>  <p>Thận</p>	<p>Địa Thủy <b>SƯ</b></p>  <p>Thận</p>
<p>Thiên Sơn <b>ĐỘN</b></p>  <p>Tiểu Trường</p>	<p>Trạch Sơn <b>HÀM</b></p>  <p>Tiểu Trường</p>	<p>Hỏa Sơn <b>LỮ</b></p>  <p>Đái</p>	<p>Lôi Sơn <b>TIỂU QUÁ</b></p>  <p>Đái</p>	<p>Phong Sơn <b>TIỆM</b></p>  <p>Tam Tiêu</p>	<p>Thủy Sơn <b>KIẾN</b></p>  <p>Tam Tiêu</p>	<p>Bát Thuần <b>CẤN</b></p>  <p>Bàng Quang</p>	<p>Địa Sơn <b>KHIÊM</b></p>  <p>Bàng Quang</p>
<p>Thiên Lôi <b>VÔ VỌNG</b></p>  <p>Càn</p>	<p>Trạch Lôi <b>TỤY</b></p>  <p>Càn</p>	<p>Hỏa Lôi <b>PHỆ HẠP</b></p>  <p>Phế</p>	<p>Bát Thuần <b>CHẤN</b></p>  <p>Phế</p>	<p>Phong Lôi <b>ÍCH</b></p>  <p>Tỳ</p>	<p>Thủy Lôi <b>TRUẦN</b></p>  <p>Tỳ</p>	<p>Sơn Lôi <b>DI</b></p>  <p>Nhâm</p>	<p>Địa Lôi <b>PHỤC</b></p>  <p>Nhâm</p>
<p>Thiên Phong <b>CẦU</b></p>  <p>Độc</p>	<p>Trạch Phong <b>ĐẠI QUÁ</b></p>  <p>Độc</p>	<p>Hỏa Phong <b>ĐỈNH</b></p>  <p>Đại Trường</p>	<p>Lôi Phong <b>HẰNG</b></p>  <p>Đại Trường</p>	<p>Bát Thuần <b>TỐN</b></p>  <p>Vụ</p>	<p>Thủy Phong <b>TỈNH</b></p>  <p>Vụ</p>	<p>Sơn Phong <b>CỔ</b></p>  <p>Đờm</p>	<p>Địa Phong <b>THẮNG</b></p>  <p>Đờm</p>

February 2017 – Huỳnh Hiếu Hữu

## **VI. TRUNG THIÊN TẠNG TƯỢNG ĐỒ :**

16 Tạng Tượng tức 16 Tứ Trung Hào (2,3,4,5) của 64 quẻ Dịch Đại Thành, chúng hiện hữu nơi Dịch Trung thiên :

a- Ba hệ có hiện tượng là :

- Hệ 2 hào có 4 quẻ là Tứ Tượng : Dương Nhiệt, Dương Hàn, Âm Nhiệt, Âm Hàn. Tứ Tượng mở đầu hệ Dịch này nhưng nó là 2 hào phát triển lần thứ nhất từ giữa lên xuống tức 2 hào 3,4.
- Hệ 4 hào có 16 quẻ là Tạng Tượng tức lần phát triển thứ hai trên và dưới của Tứ Tượng, tức 2 hào 2,5.
- Hệ 6 hào có 64 quẻ là tượng Vạn Vật = 16 Tứ Trung Hào x 4 quẻ 2 hào Bản Mạt 1,6.

Sau 3 lần phát triển thành 64 quẻ 6 hào, mỗi quẻ gồm 2 Bát Quái, Bát Quái trên tượng Khí phát triển từ dưới lên tức 3 hào 4,5,6 ; Bát Quái dưới tượng Kinh phát triển từ trên xuống tức 3 hào 3,2,1.

b- Ba hệ không hiện tượng là :

- Hệ 1 hào có 2 quẻ là Lưỡng Nghi tức Âm Dương, vị trí và tên quẻ tượng không đổi vì nó là căn bản sinh các hệ 2 hào trở lên.
- Hệ 3 hào có 8 quẻ là Bát Quái có số lượng, tên, tượng quẻ không đổi nhưng thứ tự quẻ có đổi theo Thời loại.
- Hệ 5 hào có 32 quẻ chưa có tên, số lượng, tượng quẻ không đổi nhưng thứ tự quẻ có đổi theo Thời loại.

(xem 3 đồ hình 3 lần phát triển thành Trung Thiên Dịch, Trung thiên Tạng Tượng đồ, Trung Thiên đồ)

# 3 lần phát triển thành TRUNG THIÊN DỊCH

(3 lần phát triển thành 1 quẻ Dịch 6 hào)

---o0o---

## 1- Lần thứ nhất :

Tứ Tượng :

TỨ BỘ KINH KHÍ	Dương Nhiệt	Dương Hàn	Âm Nhiệt	Âm Hàn
TỨ TƯỢNG				

## 2- Lần thứ hai :

16 Tạng Tượng :

1 TƯỢNG 2 HÀO	4 3			
4 TẠNG TƯỢNG 4 HÀO				
Tên TẠNG TƯỢNG	ĐỐC	ĐẠI TRƯỜNG	TIỂU TRƯỜNG	ĐÁI

## 3- Lần thứ ba :

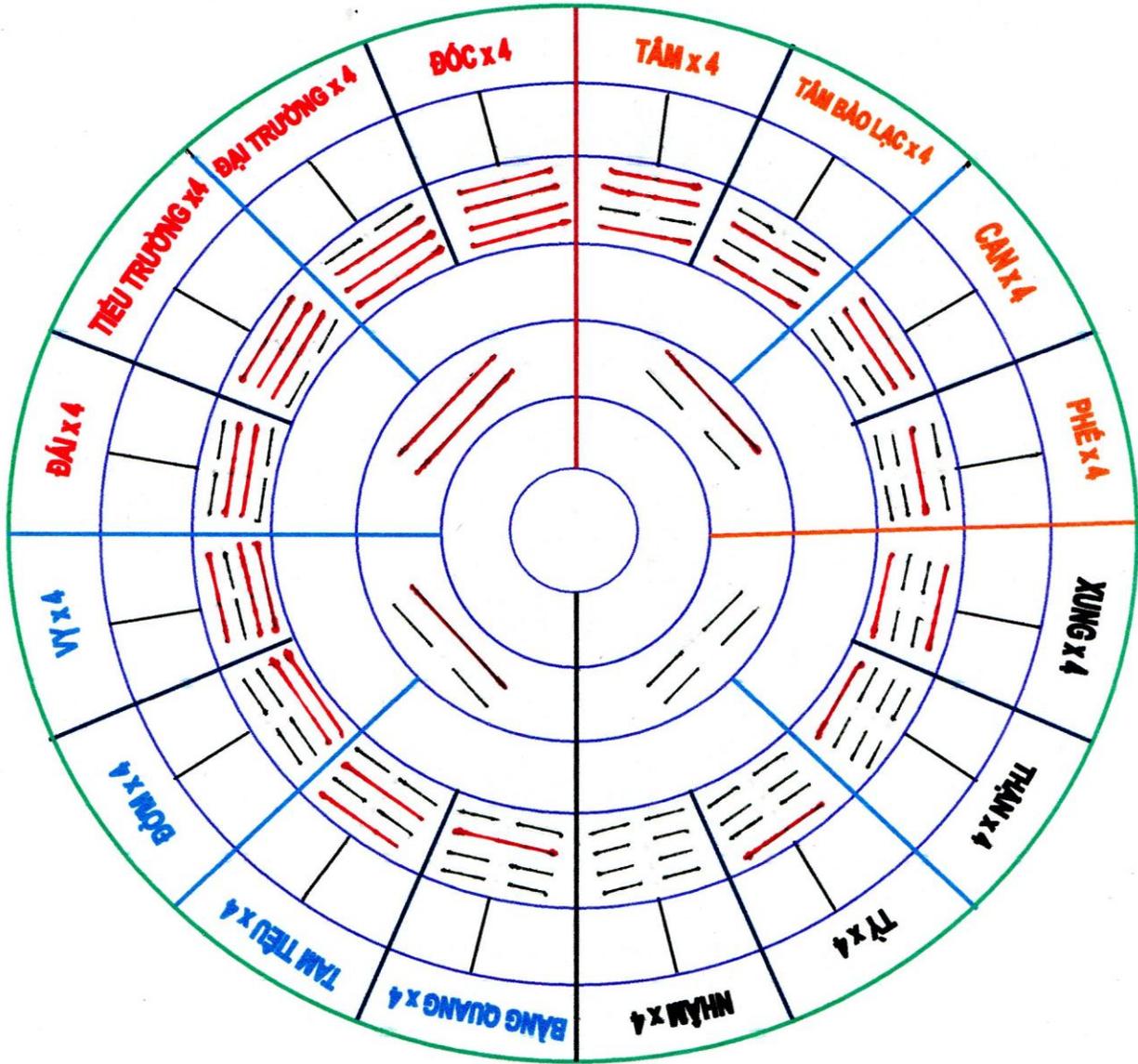
64 Tượng Vạn Vật :

1 TẠNG TƯỢNG 4 HÀO	5 4 3 2			
4 QUẺ DỊCH 6 HÀO				
Tên QUẺ DỊCH	Bát Thuần CÀN	Trạch Thiên QUẢI	Th. Phong CẤU	Trạch Phong ĐẠI QUÁ

May 2018 – Huỳnh Hiếu Hữu Xin đa tạ !

# TRUNG THIÊN TẠNG TƯỢNG ĐỒ

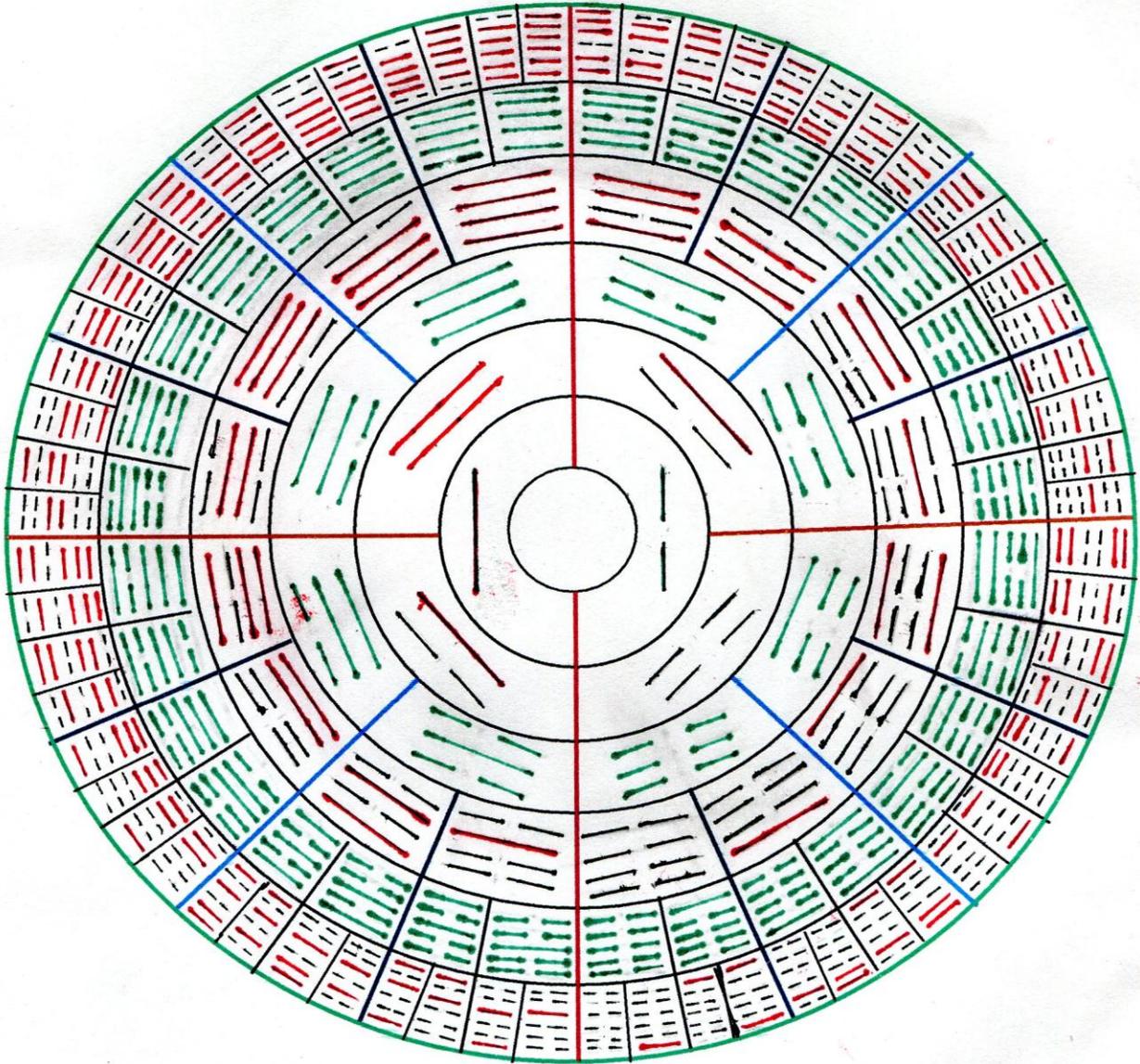
—o0o—



March 2018 – Huỳnh Hiếu Hữu Xin đa tạ

# TRUNG THIÊN ĐỒ

—o0o—



March 2018 – Huỳnh Hiếu Hữu Xin đa tạ

## **VII. HỌC TẬP THƯƠNG HÀN TẬP BỆNH VỚI CÁC ĐỒ HÌNH :**

Học tập Đông Y tuần tự từ trước đến sau là ‘ LÝ PHÁP PHƯƠNG DƯỢC ‘ , có nắm chắc Lý mới có khả năng ứng dụng Pháp, Phương, Dược. Chúng tôi học tập Thương Hàn Tập Bệnh luận với các đồ hình để kiện toàn mục đích trên :

### **1. Sơ đồ Nhân thân Khí Hóa :**

Mỗi người là 1 bầu trời đất nhỏ sinh tồn theo qui luật Âm Dương Kinh Lạc. Thành phần nơi thân người cũng như vũ trụ :

Biểu là Dương, Lý là Âm, Tấu là màn lưới Kinh Lạc dọc ngang suốt 2 Bộ Vị Biểu Lý. Tấu là Bộ Vị thứ 3 ; chia Tấu làm 2 có Tấu Bán Biểu và Tấu Bán Lý.

BIỂU cũng có 3 phần là :

Biểu ngoài, ở đó Hàn Khí chủ Khí Hóa với cặp Phủ Bàng Quang và Tạng Thận, Bì Phu chủ Bộ Vị với cặp Phủ Đại Trường và Tạng Phế ;

Biểu giữa, ở đó Phong Khí chủ Khí Hóa với cặp Phủ Đờm và Tạng Can, Cơ Nhục chủ Bộ Vị với cặp Phủ Vỵ và Tạng Tỳ ;

Biểu trong, ở đó Nhiệt Khí chủ Khí Hóa với cặp Phủ Tiểu Trường và Tạng Tâm, Cốt Tủy chủ Bộ Vị với cặp Phủ Tam Tiêu và Tạng Tâm Bào Lạc.

LÝ cũng có 3 phần là :

Thượng tiêu có 3 Tạng Phế, Tâm, Tâm Bào Lạc chủ Khí Nhiệt ;

Trung tiêu có 3 cặp Tạng Phủ là Tỳ, Vỵ tương giao với Nhiệt Khí ở Thượng tiêu, Can Đờm chủ Khí Phong tại Trung tiêu , Thận Tiểu Trường tương giao với Hàn Khí ở Hạ tiêu ;

Hạ tiêu có 3 Phủ Đại Trường, Bàng Quang, Tam Tiêu chủ Khí Hàn.

Tại Tấu Bán Biểu Kinh Lạc đi ngang (Hoành), tại Tấu Bán Lý Kinh Lạc đi dọc (Tung).

(xem đồ hình Nhân Thân Khí Hóa)

SƠ ĐỒ

**NHÂN THÂN KHÍ HÓA**

BIỂU						LÝ		
BỘ VỊ VÀ KINH LẠC CHỦ BỘ VỊ						BỘ VỊ	TẠNG CHỦ	KHÍ HÓA
BÌ PHỤ		CƠ NHỤC		CỐT TỬY		TẤU	THƯỢNG	PHẾ
THỦ DƯƠNG MINH ĐẠI TRƯỜNG KINH	THỦ THÁI ÂM PHẾ KINH	TỨC DƯƠNG MINH VY KINH	TỨC THÁI ÂM TỠ KINH	THỦ THIỂU DƯƠNG TAM TIÊU KINH	THỦ KHUYẾT ÂM T. BÀO LẠC KINH			
TẤU                  BÁN                  BIỂU						LÝ	TRUNG	PHONG
← HOÀNH →								
KHÍ HÓA VÀ KINH LẠC CHỦ KHÍ HÓA						HÀ	HẠ	ĐỐI
HÀN		PHONG		NHỊT				
TỨC THÁI DƯƠNG BÀNG QUANG KINH	TỨC THIỂU ÂM THẬN KINH	TỨC THIỂU DƯƠNG ĐỎM KINH	TỨC KHUYẾT ÂM CÁN KINH	THỦ THÁI DƯƠNG TIỂU TRƯỜNG KINH	THỦ THIỂU ÂM TÂM KINH	BÀNG QUANG		TUNG
						ĐẠI TRƯỜNG		

## 2. Tứ bộ sinh lý bệnh lý :

### a- Bốn loại hình tròn :

- Vòng tròn lớn ngoài cùng (màu xanh) tượng Thái Cực [thân người].
- Bốn vòng tròn vừa đường kính bằng bán kính vòng tròn lớn tượng Tứ bộ Kinh Khí : Dương Nhiệt (màu đỏ) ở trên đối lập Âm Hàn (màu đen) ở dưới ; Dương Hàn (màu xanh) ở ngoài đối lập Âm Nhiệt (màu cam) ở trong.
- Vòng tròn vừa màu tím đứt đồng tâm với vòng tròn lớn, làm biểu tượng nối liền 3 tâm dọc là trên giữa dưới và tâm ngang là ngoài giữa trong nổi bật Đạo Tam Cực.

Bốn vòng tròn đứt đường kính bằng nửa vòng tròn vừa, trong vòng tròn Dương Hàn biểu tượng nó cũng là một Thái Cực, mỗi vòng tròn vừa cũng đồng có tứ khí Dương Nhiệt Dương Hàn Âm Nhiệt Âm Hàn.

- Vòng tròn nhỏ trong cùng đồng tâm với vòng tròn lớn biểu tượng Kinh Thiếu Dương Hỏa bao gồm Dương Nhiệt và Dương Hàn, Kinh Khuyết Âm Phong Khí bao gồm Âm Nhiệt và Âm Hàn.

### b- Hai loại hình vuông :

- Hình vuông dọc nội tiếp vòng tròn lớn tượng 4 Kỳ Kinh : Đốc tại góc trên, Nhâm tại góc dưới, Đái tại góc ngoài, Xung tại góc trong.
- Hình vuông ngang có :

cạnh trên thuộc Kinh Dương Nhiệt có 2 Phủ là Phủ Vy [Hậu thiên Bản Nhiệt] và Phủ Đại Trường [Hậu thiên Tiêu Dương] ;

cạnh dưới thuộc Kinh Âm Hàn có 2 Tạng là Tạng Phế [Hậu thiên Bản Hàn] và Tạng Tỳ [Hậu thiên Tiêu Âm] ;

cạnh ngoài thuộc Kinh Dương Hàn có 2 Phủ là Phủ Bàng Quang [Tiên thiên Bản Hàn] và Phủ Tiểu Trường [Tiên thiên Tiêu Dương] ;

cạnh trong thuộc Kinh Âm Nhiệt có 2 Tạng là Tạng Tâm [Tiên thiên Bản Nhiệt] và Tạng Thận [Tiên thiên Tiêu Âm].

Hình vuông ngang cũng có 2 đường chéo chia thành 4 khu vực trên là Dương Nhiệt, dưới là Âm Hàn, ngoài là Dương Hàn, trong là Âm Nhiệt.

**Kinh Dương Nhiệt thông khí Dương Minh Táo làm bệnh ÔN,**

**Kinh Dương Hàn thông khí Thái Dương Hàn làm bệnh HÀN,**

**Kinh Âm Nhiệt thông khí Thiếu Âm Nhiệt làm bệnh PHONG,**

**Kinh Âm Hàn thông khí Thái Âm Thấp làm bệnh THẤP.**

**Đó là bệnh đơn của 4 Kinh.**

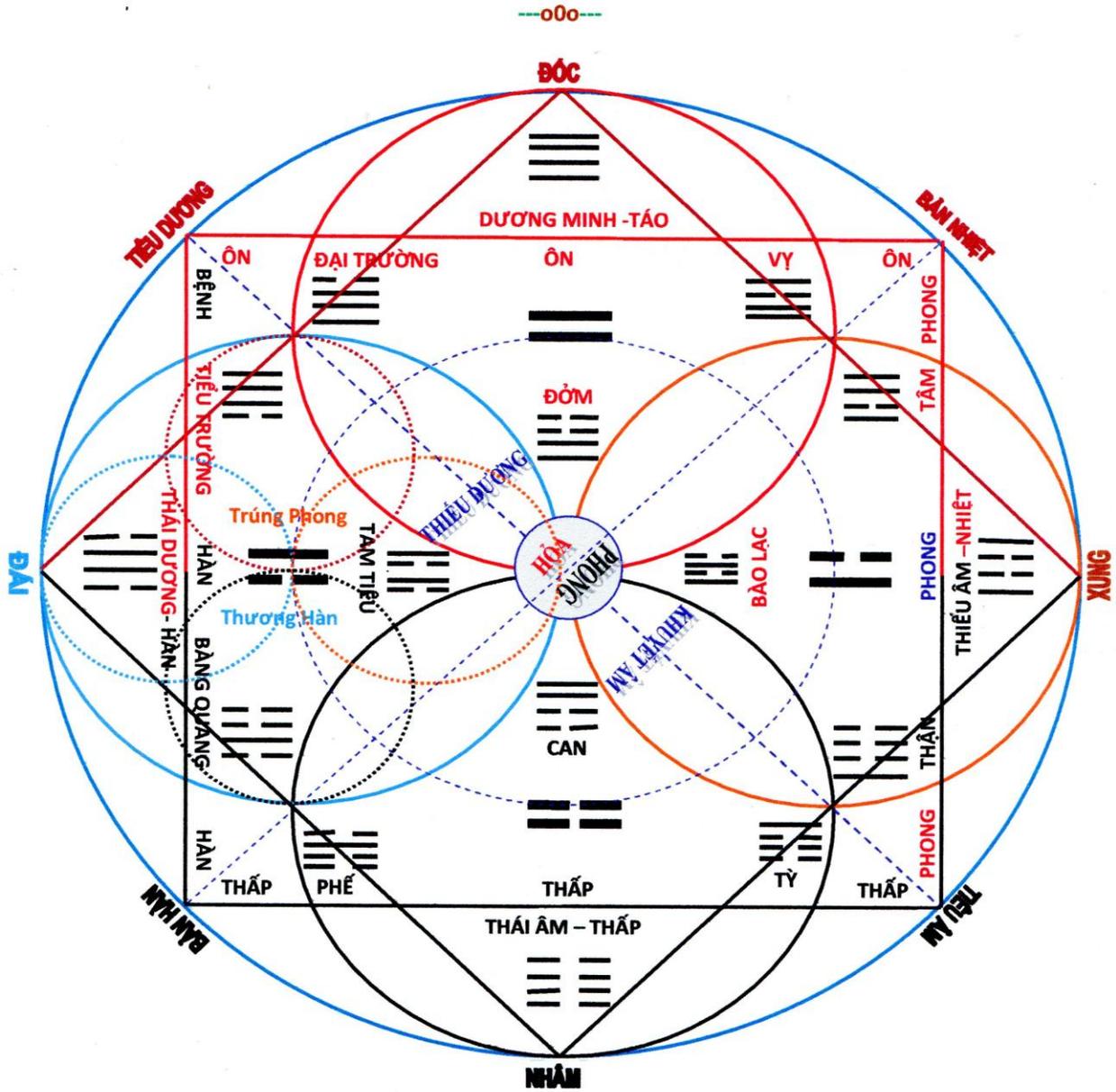
**Kinh Dương Nhiệt hiệp Kinh Dương Hàn làm ÔN BỆNH ; hiệp Kinh Âm Nhiệt làm bệnh PHONG ÔN.**

**Kinh Âm Hàn hiệp Kinh Dương Hàn làm bệnh HÀN THẤP ; hiệp Kinh Âm Nhiệt làm bệnh PHONG THẤP.**

**Đó là 4 bệnh kép của 4 Kinh.**

**(xem đồ hình Tứ bộ Sinh Lý Bệnh Lý)**

# TỨ BỘ SINH LÝ BỆNH LÝ



March 2018 – Huỳnh Hiếu Hữu Xin đa tạ

### **3. Tứ bộ Kinh Khí & 6 tên bệnh chính tại Thương Hàn luận :**

Bản Nghĩa khẳng định tứ bộ Kinh Khí là : Dương Nhiệt, Dương Hàn, Âm Nhiệt, Âm Hàn ; mỗi Kinh trong 4 Kinh có 4 Khí :

a- Tứ bộ Kinh Khí :

- Kinh Dương Nhiệt :

Kinh Dương Nhiệt, Khí Dương Nhiệt là Mạch ĐỐC.

Kinh Dương Nhiệt, Khí Dương Hàn là Phủ ĐẠI TRƯỜNG.

Kinh Dương Nhiệt, Khí Âm Nhiệt là Phủ VỊ (Hậu thiên Bản Nhiệt).

Kinh Dương Nhiệt, Khí Âm hàn là Phủ ĐỔM.

- Kinh Dương Hàn :

Kinh Dương Hàn, Khí Dương Hàn là Mạch ĐÁI.

Kinh Dương Hàn, Khí Âm Nhiệt là Phủ TAM TIÊU.

Kinh Dương Hàn, Khí Âm Hàn là Phủ BÀNG QUANG.

Kinh Dương Hàn, Khí Dương Nhiệt là Phủ TIỂU TRƯỜNG.

- Kinh Âm Nhiệt :

Kinh Âm Nhiệt, Khí Âm Nhiệt là Mạch XUNG.

Kinh Âm Nhiệt, Khí Âm Hàn là Tạng THẬN.

Kinh Âm Nhiệt, Khí Dương Nhiệt là Tạng TÂM.

Kinh Âm Nhiệt, Khí Dương Hàn là Tạng TÂM BÀO LẠC.

- Kinh Âm Hàn :

Kinh Âm Hàn, Khí Âm Hàn là Mạch NHÂM.

Kinh Âm Hàn, Khí Dương Nhiệt là Tạng CAN.

Kinh Âm Hàn, Khí Dương Hàn là Tạng PHẾ.

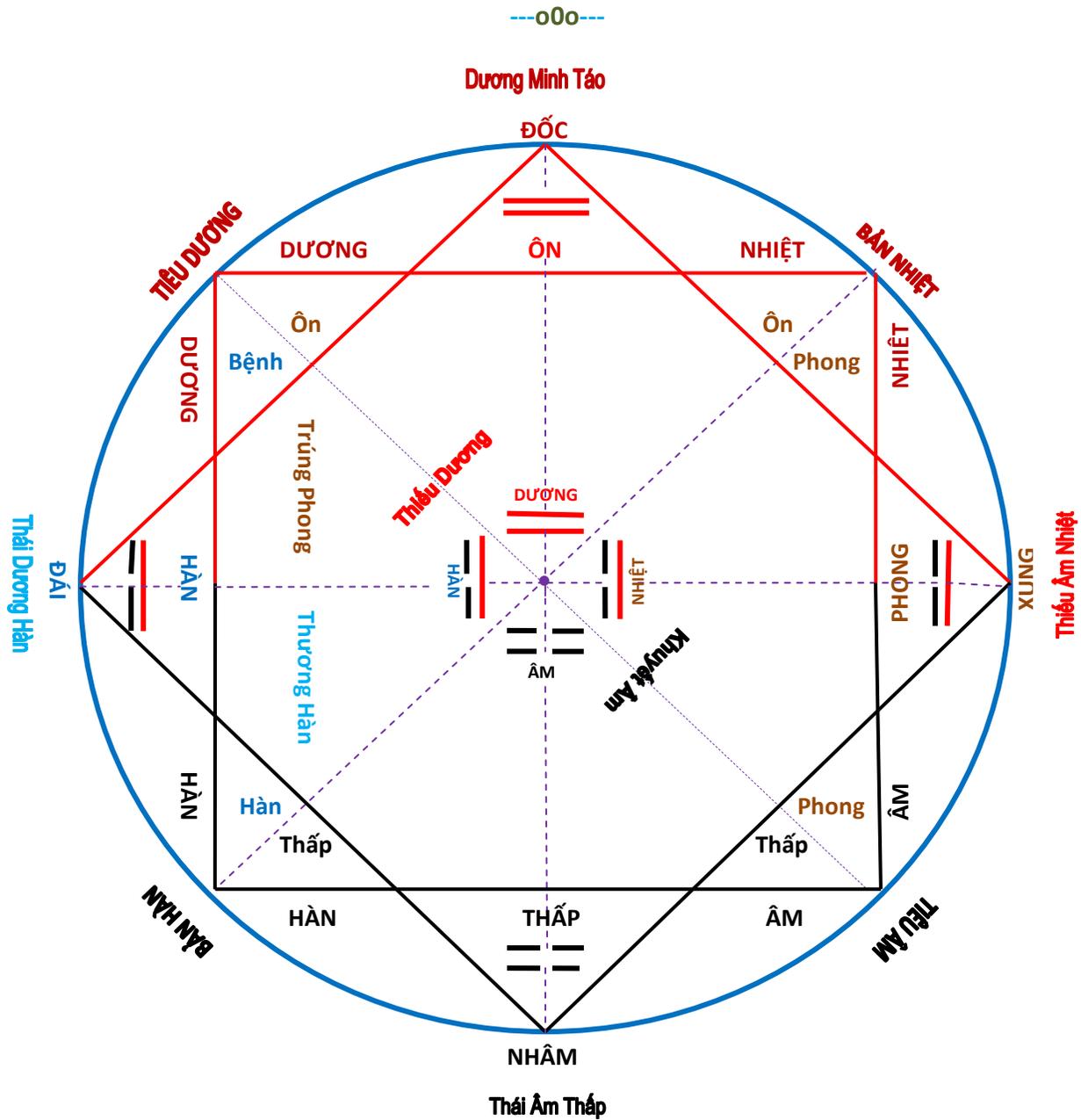
Kinh Âm Hàn, Khí Âm Nhiệt là Tạng TỠ.

**b- 6 tên bệnh chính tại Thương Hàn luận :**

- **Kinh Thái Dương (Dương Hàn) làm bệnh THƯƠNG HÀN.**
- **Kinh Thiếu Âm (Âm Nhiệt nhận sự truyền của Dương Hàn) làm bệnh TRÚNG PHONG.**
- **Kinh Dương Minh (Dương Nhiệt) hiệp Thái Dương (Dương Hàn) làm ÔN BỆNH.**
- **Kinh Dương Minh (Dương Nhiệt) hiệp Thiếu Âm (Âm Nhiệt) làm PHONG ÔN.**
- **Kinh Thái Dương (Dương Hàn) hiệp Thái Âm (Âm Hàn) làm HÀN THẤP.**
- **Kinh Thái Âm (Âm Hàn) hiệp Thiếu Âm (Âm Nhiệt) làm PHONG THẤP.**

**(xem đồ hình Tứ bộ Kinh Khí & 6 tên bệnh chính tại Thương Hàn luận)**

# Tứ bộ KINH KHÍ & 6 Tên Bệnh chính tại THƯƠNG HÀN LUẬN



December 2017 – Huỳnh Hiếu Hữu Xin đa tạ !

**4. 12 Tạng Phủ chia theo 3 Thời loại :**

**a- 4 Tạng Phủ Tiên thiên :**

**Thủ Thái Dương TIỂU TRƯỜNG.**

**Túc Thái Dương BÀNG QUANG.**

**Thủ Thiếu Âm TÂM.**

**Túc Thiếu Âm THẬN.**

**b- 4 Tạng Phủ Hậu thiên :**

**Thủ Dương Minh ĐẠI TRƯỜNG.**

**Túc Dương Minh VỊ.**

**Thủ Thái Âm PHẾ.**

**Túc Thái Âm TỖ.**

**c- 4 Tạng Phủ Trung thiên :**

**Thủ Thiếu Dương TAM TIÊU.**

**Túc Thiếu Dương ĐỒM.**

**Thủ Khuyết Âm TÂM BÀO LẠC.**

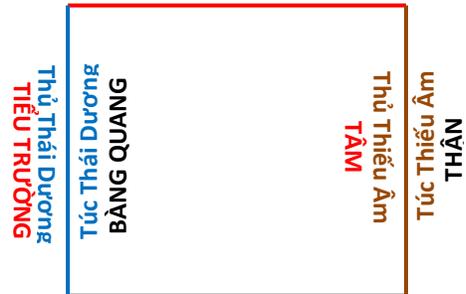
**Túc Khuyết Âm CAN.**

**(xem đồ hình 12 Tạng Phủ chia theo 3 Thời loại)**

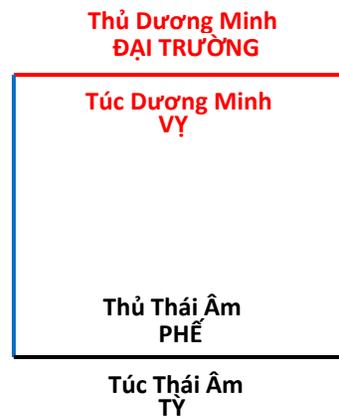
# 12 TẶNG PHỦ chia theo 3 Thời loại

---oOo---

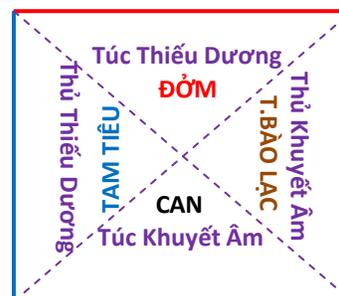
## 1- Bốn Tặng Phủ Tiên thiên :



## 2- Bốn Tặng Phủ Hậu thiên :



## 3- Bốn Tặng Phủ Trung thiên :



January 2018 – Huỳnh Hiếu Hữu Xin đa tạ

**5. 12 Tạng Phủ xếp theo Âm Dương Hàn Nhiệt Tiêu Bản :**

**a- 2 Phủ Dương Nhiệt :**

**Phủ Vy : Hậu thiên Bản Nhiệt.**

**Phủ Đại Trường : Hậu thiên Tiêu Dương.**

**b- 2 Tạng Âm Hàn :**

**Tạng Phế : Hậu thiên Bản Hàn.**

**Tạng Tỳ : Hậu thiên Tiêu Âm.**

**c- 2 Phủ Dương Hàn :**

**Phủ Bàng Quang : Tiên thiên Bản Hàn.**

**Phủ Tiểu Trường : Tiên Thiên Tiêu Dương.**

**d- 2 Tạng Âm Nhiệt :**

**Tạng Tâm : Tiên thiên Bản Nhiệt.**

**Tạng Thận : Tiên thiên Tiêu Âm.**

**e- 2 Tạng Phủ Âm Dương :**

**Phủ Đởm : Trung thiên bán Dương bán Âm.**

**Tạng Can : Trung thiên bán Âm bán Dương.**

**f- 2 Tạng Phủ Hàn Nhiệt :**

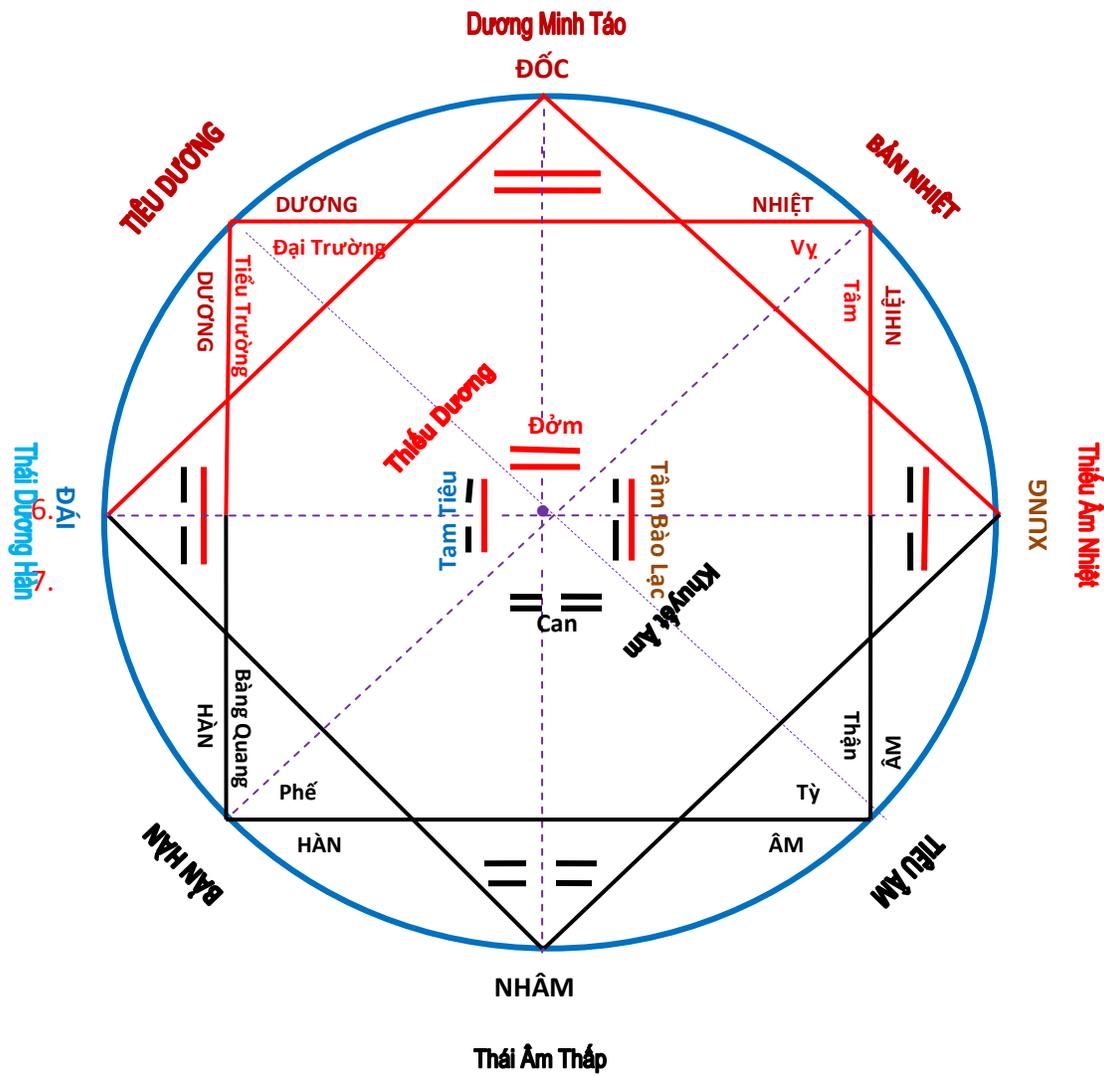
**Phủ Tam Tiêu : Trung thiên bán Hàn bán Nhiệt.**

**Tạng Tâm Bào Lạc : Trung thiên bán Nhiệt bán Hàn.**

**(xem đồ hình 12 Tạng Phủ xếp theo Âm Dương Hàn Nhiệt Tiêu Bản).**

# 12 TẠNG PHỦ xếp theo ÂM DƯƠNG, HÀN NHIỆT, TIÊU BẢN

---o0o---



January 2018 -

Huỳnh Hiếu Hữu Xin đa tạ !

## **6. Thời tuần hành của 12 Kinh tức 12 Tạng Phủ :**

Một ngày 12 thời chia theo đường kính dọc (trục Tý Ngọ), chúng ta có 6 thời AM sáng trưa và 6 thời PM chiều tối ; chia theo đường kính ngang (trục Mão Dậu) chúng ta cũng có 6 thời trên là Ngày (trưa chiều) và 6 thời dưới là Đêm (tối sáng) :

a- Nhìn qua trục Tý Ngọ chúng ta có :

6 Thời AM có Tý ĐỔM, Sửu CAN, PHẾ Dần, ĐẠI TRƯỜNG Mão, VỊ Thìn, TỶ Ty.

6 Thời PM có TÂM Ngọ, TIỂU TRƯỜNG Mùi, BÀNG QUANG Thân, THẬN Dậu, TÂM BÀO LẠC Tuất, TAM TIÊU Hợi.

b- Ý nghĩa tuần hành theo thời của 12 Tạng Phủ :

Tạng Phủ mở đầu từ 2 thời Tý Sửu và kết thúc vào 2 thời Tuất Hợi ; mở đầu và kết thúc là 4 Tạng Phủ Trung thiên ;

Mở đầu bằng 2 Tạng Phủ Trung thiên, tiếp đến là 4 Tạng Phủ Hậu thiên, kế tiếp là 4 Tạng Phủ Tiên thiên rồi kết thúc bằng 2 Tạng Phủ Trung thiên.

c- Ý nghĩa theo quy luật Ngũ Hành sinh khắc :

Đổm Can thuộc hành Dương Âm MỘC tương sinh Tâm Tiểu Trường hành Âm Dương HỎA.

Phế Đại Trường hành Âm Dương KIM tương sinh Bàng Quang Thận hành Dương Âm THỦY.

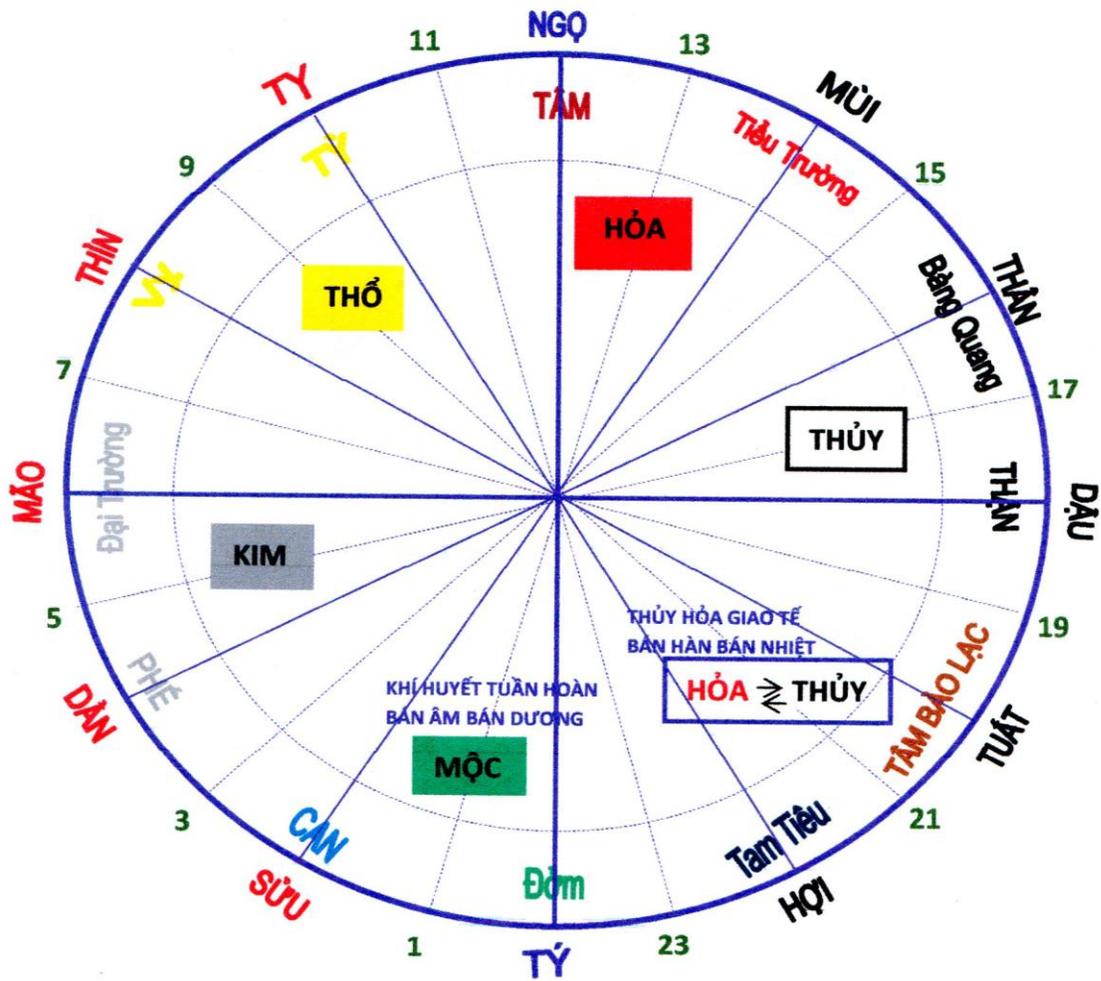
Vị Tý hành Dương Âm THỔ tương sinh tương khắc Tâm Bào Lạc Tam Tiêu hành bán HỎA bán THỦY.

(xem đồ hình Thời tuần hành của 12 Kinh tức 12 Tạng Phủ)

# Thời tuần hành của 12 Kinh tức 12 Tạng Phủ

---o0o---

Nhiệm sinh học của loài người là thời tuần hành của 12 Chính Kinh tức 12 Tạng Phủ.



## 7. Đạo Vuông Tròn :

Tròn là tượng Đạo Thái Cực, Thái Cực đã sinh Lưỡng Nghi ; Vuông là Tứ Tượng, quẻ 2 nét tượng Dương Nhiệt, Dương Hàn, Âm Nhiệt, Âm Hàn ; như tục ngữ có câu “ Mẹ tròn con vuông “ .

Vòng tròn ngoài tượng Thái Cực, bên trong có 2 hình vuông nội tiếp tượng Tứ Tượng :

-hình vuông dọc tượng 4 Kỳ Kinh :

Trên đường kính dọc có 2 mạch ĐỐC, NHÂM (Cân bằng Âm Dương).

Trên đường kính ngang có 2 mạch ĐÁI, XUNG (Cân bằng Hàn Nhiệt).

-hình vuông ngang tượng 12 Tạng Phủ :

Cạnh trên : Dương Nhiệt có 2 Phủ, Phủ VỊ là Hậu thiên Bản Nhiệt, Phủ ĐẠI TRƯỜNG là Hậu thiên Tiêu Dương.

Cạnh dưới : Âm Hàn có 2 Tạng, Tạng PHẾ là Hậu thiên Bản Hàn, Tạng TỖY là Hậu thiên Tiêu Âm.

Cạnh ngoài : Dương Hàn có 2 Phủ, Phủ BÀNG QUANG có Khí Âm Hàn là Tiên thiên Bản Hàn, Phủ TIỂU TRƯỜNG có Khí Dương Nhiệt là Tiên thiên Tiêu Dương.

Cạnh trong : Âm Nhiệt có 2 Tạng, Tạng TÂM có Khí Dương Nhiệt là Tiên thiên Bản Nhiệt, Tạng THẬN có Khí Âm Hàn là Tiên thiên Tiêu Âm.

Hình vuông ngang có 2 đường chéo chia vòng tròn Thái Cực thành 4 phần tượng 4 Tạng Phủ Trung thiên :

Trên đường kính dọc có CAN, ĐỔM là cặp Tạng Phủ bán Âm bán Dương (Cân bằng Âm Dương).

Trên đường kính ngang có TÂM BÀO LẠC, TAM TIỂU là cặp Tạng Phủ bán Hàn bán Nhiệt (Cân bằng Hàn Nhiệt).

Bản Nhiệt cân bằng với Bản Hàn từng cặp Tạng Phủ : Tâm - Bàng Quang ; Vị - Phế.

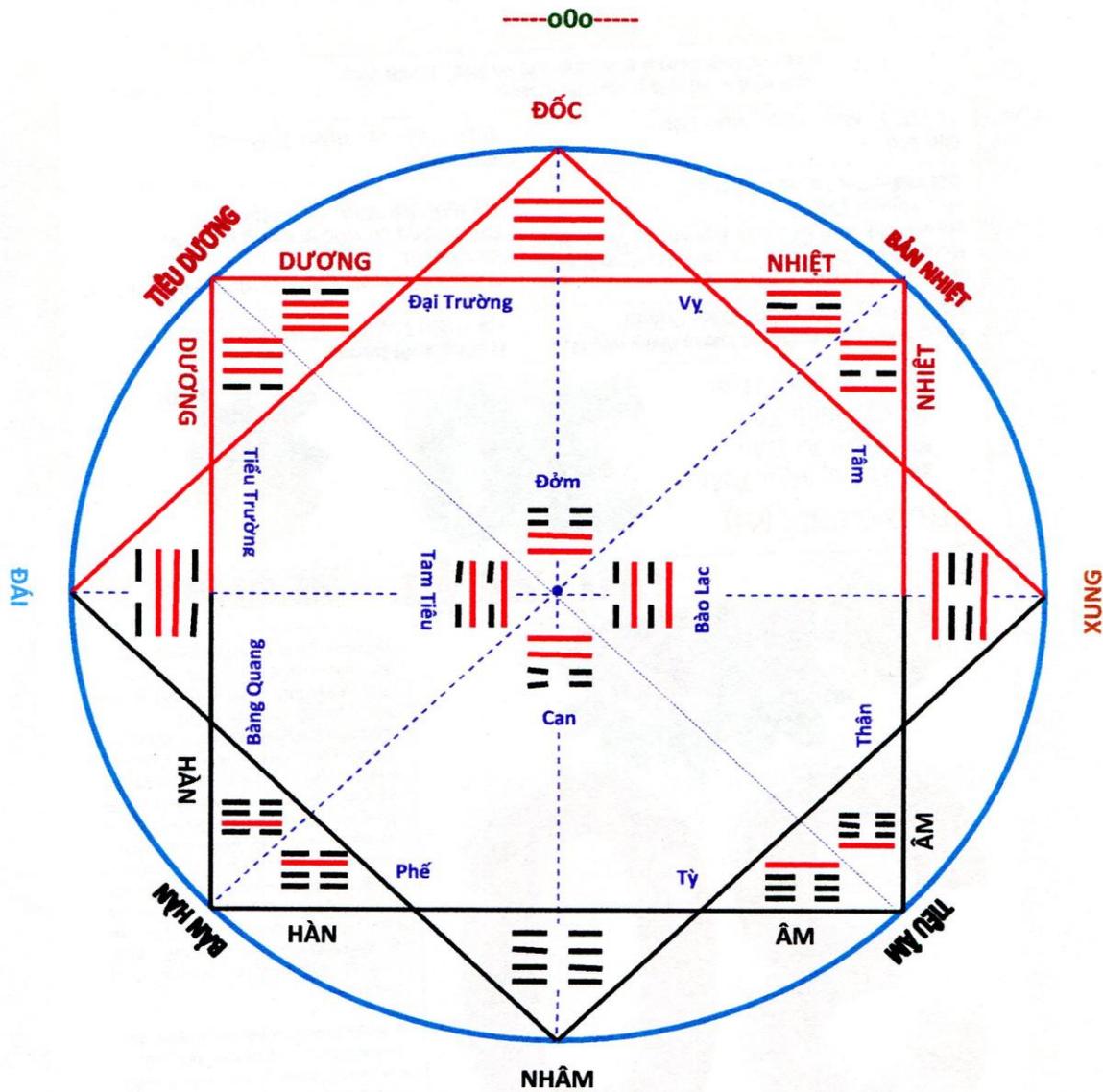
Tiêu Dương cân bằng với Tiêu Âm bởi từng cặp Tạng Phủ : Tiểu Trường – Thận ;

Đại Trường – Tỳ.

(xem đồ hình Đạo Vuông Tròn)

# ĐẠO VUÔNG TRÒN

16 Tạng Tượng = 4 Kỳ Kinh + 12 Tạng Phủ = Tứ bộ Kinh Khí



December 2016 – Huỳnh Hiếu Hữu

### **VIII. NHẬN ĐỊNH :**

Cụ Trần Cao Vân với bài thơ “ Vịnh Tam Tài “ và cụ Lưu Thủy với Bản Nghĩa sách Thương Hàn Tạng Bệnh luận đã mở đường cho chúng tôi thấy ra 16 Tạng Tượng, bổ sung chức năng của Kinh Lạc và Tạng Phủ.

Tứ Trung Hào của 64 quẻ Dịch ; tứ bộ Kinh Khí, tứ Kỳ Kinh Trung thiên nơi Thương Hàn Tạng Bệnh luận là gợi ý giúp chúng tôi tìm thấy Trung thiên Dịch.

Kiến thức này chẳng những phù hợp với quy luật tự nhiên nơi Kinh Dịch mà còn chứng tỏ được Đức Trọng Cảnh đã ứng dụng Dịch Trung thiên để làm sách.

16 Tạng Tượng = 16 Tứ Trung Hào của 64 quẻ Dịch = 4 Kỳ Kinh + 12 Tạng Phủ = Tứ bộ Kinh Khí.

---#---

**May 17 - 2018**